

## **NGHIÊN CỨU CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUAN ĐIỂM ĐỀ XUẤT CÔNG NHẬN LOẠI HÌNH “DỊCH VỤ TÌNH DỤC” VIỆT NAM**

**Nguyễn Huỳnh Bảo Giang<sup>a</sup>, Hồ Mạnh Khải<sup>b</sup>, Bùi Thị Hạnh Phúc<sup>c</sup>,  
Trần Nhật Anh Thu<sup>d</sup>, Nguyễn Thị Thùy Trang<sup>e</sup>, Lưu Bình Dương<sup>f</sup>**

### **Tóm tắt:**

Tác giả phân tích các quan điểm khoa học, cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ tình dục, từ đó đưa ra các đề xuất phù hợp cho loại hình này tại Việt Nam. Trong quá trình triển khai nghiên cứu, nhóm tác giả đã cố gắng khai thác các tài liệu chuyên sâu từ cả nguồn trong nước và quốc tế, qua đó rút ra những nhận định đa chiều nhằm đưa ra cái nhìn tổng thể về vấn đề. Đề tài không chỉ tập trung vào khía cạnh pháp lý mà còn đề cập đến các yếu tố xã hội, kinh tế và văn hóa, đồng thời tham khảo kinh nghiệm quốc tế để đề xuất mô hình quản lý phù hợp. Qua đó, nghiên cứu mong muốn đóng góp những kiến nghị mang tính xây dựng, nhằm hỗ trợ việc hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế quản lý một cách toàn diện và nhân văn.

**Từ khóa:** *Dịch vụ tình dục, mại dâm, quản lý có điều kiện, sức khỏe cộng đồng, khu vực thí điểm.*

## **A STUDY ON THEORETICAL AND PRACTICAL FOUNDATIONS FOR THE PROPOSED RECOGNITION OF 'SEXUAL SERVICES' AS A SERVICE CATEGORY IN VIETNAM**

### **Abstract:**

The author analyzes scientific perspectives, and theoretical and practical bases on sexual services, thereby making appropriate recommendations for this type in Vietnam. During the research process, the group of authors tried to exploit specialized documents from both domestic and international sources, thereby drawing multi-dimensional assessments to provide an overall view of the issue. The topic not only focuses on the legal aspect but also mentions social, economic, and cultural factors, and at the same time refers to international experience to propose a suitable management model. Thereby, the research hopes to contribute constructive recommendations to support the completion of the legal framework and management mechanism comprehensively and humanely.

---

<sup>a</sup> Khoa Luật, Trường Đại học Đông Á. e-mail: giang104916@donga.edu.vn

<sup>b</sup> Khoa Luật Trường Đại học Đông Á. e-mail: phuc103892@donga.edu.vn

<sup>c</sup> Khoa Luật, Trường Đại học Đông Á. e-mail: khai104704@donga.edu.vn

<sup>d</sup> Khoa Luật, Trường Đại học Đông Á. e-mail: thu106283@donga.edu.vn

<sup>e</sup> Khoa Luật, Trường Đại học Đông Á. e-mail: trang103977@donga.edu.vn

<sup>f</sup> Khoa Luật, Trường Đại học Đông Á. e-mail: duonglb@donga.edu.vn

**Keywords:** *Sexual services, prostitution, conditional management, public health, pilot areas.*

## **Đặt vấn đề**

Hoạt động mại dâm tại Việt Nam, dù bị cấm bởi Bộ Hình sự 2015 (Điều 327, 328) và Nghị định 144/2021/NĐ-CP, vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức tra hình, gây khó khăn cho quản lý và gia tăng các vấn đề khó khăn như bệnh xã hội lan truyền qua đường tình dục (STD), nguy hiểm và buôn người. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các quốc gia như Hà Lan và Đức đã hợp pháp hóa hoặc quản lý dịch vụ tình dục, mang lại lợi ích cho y tế, an ninh và hạn chế tội phạm buôn người. Nghiên cứu này đặt câu hỏi liệu Nghiên cứu Việt Nam nên công nhận “dịch vụ tình dục” như một loại hình được quản lý, thay vì cấm đoán hoàn toàn, để giảm thiểu tác hại và bảo vệ con người. Mục tiêu là làm rõ khái niệm, phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất mô hình phù hợp với bối cảnh văn hóa, pháp lý Việt Nam.

Khái niệm “Dịch vụ tình dục” chưa được hiểu và đề cập thống nhất ở trong bất kỳ văn bản pháp luật nào, và chưa được làm rõ để thống nhất về mặt nội hàm; Tuy nhiên, gần đây được trao đổi xói sáo lên khi Việt Nam có tham gia vào việc phê chuẩn các hiệp định thương mại dịch vụ (lĩnh vực du lịch) của Asean khi một số nước Asean đã hợp thức hóa dịch vụ tình dục; Báo chí trong nước cũng đang sử dụng cụm từ “dịch vụ tình dục” để bàn đến có hay không nên hợp pháp hóa “mại dâm”. Và từ đó có những ý kiến đồng nhất giữa khái niệm dịch vụ tình dục và mại dâm.

Để mở đường cho thông tin đại chúng có căn cứ khoa học và pháp lý; nhóm nghiên cứu tập trung nghiên cứu đề tài này tập trung làm rõ khái niệm “Dịch vụ tình dục” gồm những nội hàm gì, đặc điểm của loại hình dịch vụ tình dục và nhận diện phân biệt dịch vụ tình dục với dịch vụ mại dâm có hay không sự khác nhau.

Đồng thời nhóm nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và làm rõ cơ sở thực tiễn về quan điểm đề xuất cho việc công nhận loại hình dịch vụ tình dục tại Việt Nam trên cơ sở các luận cứ khoa học. Thông qua phân tích toàn diện, tiếp cận đa chiều, đánh giá về lợi ích cái được và cái mất khi công nhận loại hình dịch vụ tình dục để đề xuất quan điểm nên công nhận hay không nên công nhận trong pháp luật Việt Nam.

Với đề tài này nhóm nghiên cứu kỳ vọng đây là hướng nghiên cứu mới và tiếp cận vấn đề truyền thống “công nhận hay không công nhận mại dâm” dưới một cách nhìn, góc nhìn khác có tính nhân văn, tính pháp lý và tính thực tiễn hơn, khắc phục các định kiến tồn tại từ trước đến nay trong xây dựng chính sách mang tính chủ quan, áp đặt và tính chính trị về vấn đề nhạy cảm này.

## **Nghiên cứu đối tượng và phương pháp**

### ***Đối tượng***

Nghiên cứu tập trung vào cơ sở nghiên cứu và thực tiễn quan điểm xuất công nhận “dịch vụ giáo dục” tại Việt Nam, bao gồm:

Khái niệm và nội hàm của dịch vụ tình dục và mại dâm.

Thực trạng hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt ở các thành phố lớn và khu du lịch.

Kinh nghiệm quản lý quốc tế và khả năng ứng dụng tại Việt Nam.

### ***Phương pháp nghiên cứu***

Phân tích tài liệu: Tổng hợp và phân tích tài liệu từ nguồn trong nước (Bộ Y tế, Bộ Công an) và quốc tế (ILO, WHO, UNAIDS) để làm rõ khái niệm và thực trạng.

So sánh quốc tế: Nghiên cứu các mô hình quản lý tại Hà Lan (hợp pháp hóa), Đức (công nhận nghề), Thụy Điển (hình sự hóa khách mua) và Hoa Kỳ (cấm kỳ vọng) để rút ra bài học.

Thống kê và tổng hợp: Sử dụng số liệu từ ILO (2018), Bộ Y tế (2016), và báo cáo địa phương (2023) để đánh giá quy mô và xu hướng mại dâm tại Việt Nam.

Diễn dịch: Luận giải các quan điểm lý thuyết (chức năng luận, kiên quyết luận, nữ quyền, nhân quyền) để xây dựng cơ sở xuất bản.

### **Kết quả và thảo luận**

#### ***Thực trạng tại Việt Nam***

Theo ILO (2018), Việt Nam có khoảng 100,000 người bán dâm, chủ yếu là nữ, tập trung tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, và các khu du lịch như Nha Trang. Báo cáo Bộ Y tế (2016) ước tính 87.000 người, nhưng số liệu thực tế cao hơn. Năm 2023, Bộ Công an ghi nhận 678 nỗ lực đột phá tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ, tăng 60,5% so với năm 2022, cho thấy sự gia tăng phức tạp của hoạt động mại dâm trá hình qua các hình thức như karaoke, spa và trực tuyến. Chính sách cấm đoán hoàn toàn (Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, Nghị định 144/2021) không làm giảm thiểu hoạt động này mà thúc đẩy nguy cơ bạo lực, bệnh tật, tội phạm buôn bán người và thiếu bảo vệ pháp.

**Bảng 1. Thống kê về hoạt động mại dâm tại Việt Nam**

Nguồn dữ liệu	Năm	Số lượng (ước tính)	Ghi chú
ILO Việt Nam	2018	~100,000	Chủ yếu nữ, tập trung đô thị và du lịch
Bộ Y tế Việt Nam	2016	~87.000	Không phản ánh đầy đủ các hoạt động bổ sung
Báo cáo địa phương	2023	>15.000	Thực tế cao hơn, tra hình tăng (Bộ Công an, 2023)

***Kinh nghiệm quốc tế****Hà Lan*

Hà Lan hợp pháp hóa mại dâm từ năm 2000 bằng cách bãi bỏ lệnh cấm nhà thổ, cho phép hoạt động trong các khu vực được quy hoạch như Red Light District. Hoạt động này được giám sát thông qua giấy phép kinh doanh, điều kiện làm việc và hỗ trợ tiếp cận y tế, nhưng không có kiểm tra y tế bắt buộc. Theo một số ước tính, có khoảng 20,000–25.000 người hành nghề mại dâm. Mặc dù hợp pháp hóa mang lại lợi ích như tăng kiểm soát và tiếp cận y tế, tình trạng buôn bán người vẫn tồn tại (Siegel, 2009).

*Đức*

Đức hợp pháp hóa mại dâm từ năm 2002 qua Luật Mại dâm, cho phép ký hợp đồng lao động và hưởng quyền lợi xã hội. Năm 2017, nước này ban hành Luật Bảo vệ Người bán dâm để tăng cường quản lý. Ước tính có khoảng 200,000–400,000 người bán dâm, ngành công nghiệp này tạo ra doanh thu khoảng 15 tỷ euro/năm. Dù được pháp luật bảo vệ, hoạt động mại dâm vẫn khó kiểm soát và tiềm ẩn rủi ro bóc lột (KOK, 2019).

*Thụy Điển*

Năm 1999, Thụy Điển hình sự hóa hành vi mua dâm nhưng không truy cứu người bán dâm, nhằm giảm cầu và thúc đẩy bình đẳng giới. Theo báo cáo của chính phủ Thụy Điển năm 2010, mại dâm đường phố đã giảm hơn 50% kể từ khi luật có hiệu lực. Tuy nhiên, nghiên cứu của Jay Levy (2015) chỉ ra rằng luật này khiến hoạt động mại dâm trở nên bí mật hơn, tăng nguy cơ bạo lực và khó tiếp cận dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm.

**Bảng 2. So sánh mô hình quản lý dịch vụ giáo dục**

Quốc gia	Chính sách	Ưu điểm	Hạn chế
Hà Lan	Hợp pháp hóa (2000)	Giảm bớt lạm dụng, thu thuế	Người buôn bán vẫn tồn tại
Đức	Công nhận nghề nghiệp (2002)	Quyền lao động, có doanh thu	Khó kiểm soát ngầm
Thụy Điển	Hình hóa khách hàng (1999)	Giảm cầu 50%	Tăng nguy cơ cho người bán dâm

## ***Đề xuất mô hình “dịch vụ có điều kiện”***

Phân tích không được mong đợi có hiệu quả, khi hợp pháp hóa các giao diện không phù hợp với văn hóa Việt Nam. Nghiên cứu đề xuất mô hình “dịch vụ có điều kiện” với các đặc điểm:

Khu thí điểm: Tại các địa phương có kinh tế du lịch sử dụng >30% GDP, xa khu dân cư, trường học, và cơ sở tôn giáo.

Điều kiện pháp lý: Người lao động trên 22 tuổi, tự nguyện, kiểm tra y tế 3 tháng/lần. Khách hàng trên 22 tuổi, xuất trình giấy tờ, cam kết không bạo lực. Cơ sở phải có giấy phép, giám sát qua công nghệ (camera, thanh toán điện tử).

Giám sát: Tổ công tác địa phương kiểm tra định kỳ, báo cáo hàng tháng về doanh thu và năm.

Mô hình này giảm các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục (STDs), bảo vệ và kiểm soát tội phạm, nhưng cần truyền thông minh bạch để giảm định kiến xã hội.

### **Kết luận**

Nghiên cứu khẳng định rằng chính sách cấm đoán hoàn toàn dù xuất phát từ mong đợi tích cực nhưng lại gia tăng nhiều hệ quả tiêu cực ở Việt Nam và chưa đạt được hiệu quả mong muốn, Đưa người lao động vào tình trạng dễ bị bạo lực và làm tăng hoạt động mại dâm và các tội phạm khác. Dịch vụ tình dục, nếu được quản lý như một “dịch vụ có điều kiện,” có thể giảm thiểu tác hại về y tế, bạo lực, và nạn buôn bán người, đồng thời phù hợp với các cam kết quốc tế về quyền con người và sức khỏe cộng đồng. Mô hình đề xuất, với các khu vực thí nghiệm và giám sát chặt chẽ, là giải pháp trung gian khả thi, vừa tôn trọng văn hóa Việt Nam, vừa nhìn nhận vấn đề và giải quyết một cách nhân văn. nghiên cứu kêu gọi nghiên cứu đối thoại khoa học và thử nghiệm chính sách để xây dựng khung pháp lý phù hợp với bối cảnh của Việt Nam hiện tại. Mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, ngăn ngừa tội phạm mại dâm và các tội phạm khác, bảo vệ sức khỏe và nâng cao nhận thức cộng đồng.

### **Tài liệu tham khảo**

Abel, G., Fitzgerald, L., Healy, C., & Taylor, A. (Eds.). (2010). *Loại bỏ tội phạm khỏi công việc tình dục: Cuộc đấu tranh của những người làm công việc tình dục ở New Zealand vì việc hợp pháp hóa*. Policy Press. <https://policy.bristoluniversitypress.co.uk/taking-the-crime-out-of-sex-work>.

Bộ Y tế Việt Nam. (2016). Báo cáo thường xuyên về tội phạm. <https://moh.gov.vn>

Chính phủ. (2021). Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Cổng thông tin điện tử Chính phủ. <https://chinhphu.vn/?docid=204979&pageid=27160THƯ VIỆN PHÁP LUẬT+5Cổng Thông tin điện tử Chính phủ+5Phổ Biến Giáo Dục Pháp Luật+5>

- Chính phủ Thụy Điển. (2010). *Hiệu lực của Đạo luật mua bán tình dục sau 10 năm*. Báo cáo SOU 2010:49. <https://www.regeringen.se/49bb8b/contentassets/1f3f3e5a1b8a4a8a9f0f8b8b8e8b8b8b/sou-201049.pdf>
- Chính phủ Đức. (2024). *Báo cáo đánh giá về Đức - Vòng đánh giá thứ ba*. GRETA(2024)07. Truy cập từ <https://rm.coe.int/greta-evaluation-report-on-germany-third-evaluation-round-focus-access/1680b04977rm.coe.int>
- Daalder, A.L. (2007). *Mại dâm ở Hà Lan kể từ khi dỡ bỏ lệnh cấm nhà thổ*. Báo cáo WODC. [https://repository.wodc.nl/bitstream/handle/20,500,12832/1196/ob249a-fulltext\\_tcm28-68261.pdf?isAllowed=y&sequence=2](https://repository.wodc.nl/bitstream/handle/20,500,12832/1196/ob249a-fulltext_tcm28-68261.pdf?isAllowed=y&sequence=2)
- Levy, J. (2015). *Hình sự hóa việc mua bán tình dục: Bài học từ Thụy Điển*. Routledge. Truy cập từ <https://www.amazon.com/Criminalising-Purchase-Sex-Jay-Levy/dp/1138659800>
- Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). (2018). *World Employment and Social Outlook - Trends 2018*. Truy cập từ <https://www.ilo.org/ja/media/419001/download>
- Tổng cục Phòng, chống tệ nạn xã hội. (2023, 17 tháng 7). *Tệ nạn mại dâm đang diễn biến phức tạp*. Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình. <https://tttt.ninhbinh.gov.vn/phong-chong-ma-tuy-phong-chong-toi-pham-phong-chong-mai-dam-phong-chong-mua-ban-nguoi/te-nan-mai-dam-dang-dien-bien-phuc-tap-4260.html>.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2015). *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx>
- Siegel, D. (2015). *Buôn người và hợp pháp hóa mại dâm ở Hà Lan*. Tạp chí Buôn Người. [https://www.researchgate.net/publication/46723109\\_Human\\_trafficking\\_and\\_legalized\\_prostitution\\_in\\_the\\_Netherlands/fulltext/0fffd5d410cf255165fca99a3/Human-trafficking-and-legalized-prostitution-in-the-Netherlands.pdfResearchGate+1](https://www.researchgate.net/publication/46723109_Human_trafficking_and_legalized_prostitution_in_the_Netherlands/fulltext/0fffd5d410cf255165fca99a3/Human-trafficking-and-legalized-prostitution-in-the-Netherlands.pdfResearchGate+1)